

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 1008/UBND-KHTC ngày 27/4/2018 của Ủy ban nhân tỉnh Tây Ninh về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tây Ninh; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định 28/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 242/TB-STC ngày 22/11/2021 của Sở Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đính kèm biểu số 4 và Thông báo số 242/TB-STC ngày 22/11/2021 của Sở Tài chính về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Trương Văn Hùng

Mã chương: 425

Đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh

Mã ĐVQHNS: 1030828

Mã cấp NS: 2

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 300/QĐ-SVHTTDL ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch TN)

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
A	Quyết toán nguồn thu, phí, lệ phí				
I	Tổng số thu	43,819,374	43,819,374		
II	Chi từ nguồn thu để lại	5,727,400	5,727,400		
III	Số thu nộp NSNN	38,091,974	38,091,974		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	65,570,481,824	65,539,372,852	-31,108,972	
I	Quản lý Hành chính (341)	6,111,880,923	6,111,880,923		
1	Văn phòng Sở	6,111,880,923	6,111,880,923		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	5,383,485,690	5,383,485,690		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	728,395,233	728,395,233		
II	Kinh phí Sự nghiệp y tế (141)	742,822,000	742,822,000		
1	Văn phòng Sở	742,822,000	742,822,000		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	742,822,000	742,822,000		
III	Sự nghiệp văn hóa (161)	20,687,537,201	20,659,644,229	-27,892,972	
1	Văn phòng Sở	4,980,762,252	4,973,766,760	-6,995,492	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	4,980,762,252	4,973,766,760	-6,995,492	
2	Bảo tàng tỉnh	3,534,359,632	3,527,202,152	-7,157,480	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	2,261,959,160	2,256,101,680	-5,857,480	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1,272,400,472	1,271,100,472	-1,300,000	
3	Thư viện tỉnh	3,849,367,494	3,849,367,494		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	2,752,367,494	2,752,367,494		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1,097,000,000	1,097,000,000		
4	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	8,323,047,823	8,309,307,823	-13,740,000	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	4,388,091,768	4,379,691,768	-8,400,000	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	3,934,956,055	3,929,616,055	-5,340,000	
IV	Sự nghiệp thể dục thể thao	18,896,582,894	18,893,366,894	-3,216,000	
1	Văn phòng Sở	191,490,490	191,490,490		



STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	191,490,490	191,490,490		
2	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao	18,705,092,404	18,701,876,404	-3,216,000	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	3,811,336,365	3,808,120,365	-3,216,000	
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	14,893,756,039	14,893,756,039		
V	Sự nghiệp đào tạo	15,641,076,933	15,641,076,933		
1	Văn phòng Sở	20,029,504	20,029,504		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	20,029,504	20,029,504		
2	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao	15,621,047,429	15,621,047,429		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	15,621,047,429	15,621,047,429		
VI	Sự nghiệp môi trường	115,295,000	115,295,000		
1	Văn phòng Sở	115,295,000	115,295,000		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ (SNMT)	115,295,000	115,295,000		
VII	Sự nghiệp kinh tế	3,159,076,295	3,159,076,295		
1	Văn phòng Sở	552,753,800	552,753,800		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	552,753,800	552,753,800		
2	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	2,606,322,495	2,606,322,495		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	992,131,607	992,131,607		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1,614,190,888	1,614,190,888		
VIII	Sự nghiệp kinh tế (292-100) Tuyên truyền an toàn giao thông	69,210,578	69,210,578		
2	Trung tâm văn hóa Nghệ thuật	69,210,578	69,210,578		
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ (292)	69,210,578	69,210,578		
IX	Trợ cấp tiền tết	147,000,000	147,000,000		
1	Văn phòng Sở	30,800,000	30,800,000		
2	Thư viện tỉnh	18,900,000	18,900,000		
3	Bảo tàng tỉnh	16,100,000	16,100,000		
4	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	38,500,000	38,500,000		
5	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	7,000,000	7,000,000		
6	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao	35,700,000	35,700,000		
C	Nguồn thu sự nghiệp	514,665,548	514,665,548		
1	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật	389,740,548	389,740,548		
2	Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể dục thể thao	124,925,000	124,925,000		

